

NĂM THỨ HAI - SỐ 42 ĐUỐC-TUỆ 29 Septembre 1936

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

CSB

# ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

## 慧 燄 報

Chủ nhiệm

NGUYỄN-NANG-QUOC

Chánh hội trưởng  
hội Phật Giáo

Quản lý

CUNG ĐỊNH-BINH

Chánh chủ bút

PHAN-TRUNG THU

Sư cụ chùa Bằng-Sở

Phó chủ bút

DUONG-VAN HIEN

Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO:

1 năm: 1\$00 - nửa năm: 0\$50 - mỗi số: 0\$08

THƯ VIỆN  
VINC DE VN  
\* VAN BANH \*  
SPK

Kính trình các hội-viên hội Phật giáo  
và các vị độc-giả báo «Đuốc-tuệ»

Ngài nào đổi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ lý cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên  
hội Phật-giáo

Báo «Đuốc-Tuệ» ấn-hành là cốt điển dịch những kinh sách nhà Phật để cho thập phương thiện-tín cùng hiểu thấu giáo lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả lại ông chánh Đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giáo tại ông chánh Đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thư về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì mấy số báo đầu hết cả vạy từ nay ai mua năm hoặc nửa năm. chúng tôi xin gửi từ số 30 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đây.

Thư từ và mandat xin nhớ gửi cho ông Cung-dinh-Bính quản lý báo Đuốc-tuệ chùa quán sứ phố Richaud Hanoi.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý  
hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu dùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

# CÁI BUỒN CHUNG CỦA TĂNG-GIỚI THIỆU-NIÊN TRỤ - TRÌ NGÀY NAY

Xưa có Ngài Ngô-án pháp-sư, mỗi khi chúng tăng lại họp để làm lễ bá-lát tụng giới, thì Ngài lại cứ khóc lóc than vãn, làm cho tấm nâu sòng vô tình kia cũng phải đầm đìa với những giọt lệ xót-sa của Ngài. Vì sao mà Ngài phải khóc? — Là vì thấy trong tăng-giới ít người có học-vấn, có giới-dức, thời sao cho khỏi Phật-pháp mỗi ngày một suy-đời thêm.

Tôi sực nhớ đến Ngài Ngô-án pháp-sư, lại nghĩ đến bạn thanh-niên trụ-trì hiện thời, tự nhiên cũng không thể không theo Ngài Ngô-án mà buồn bã được. Cái buồn đây là buồn cho những vị đương độ tuổi còn trẻ, sức còn mạnh mà lại có tính chất thông minh, có thể học tập cho sau này được thành tài đạt đức, mà cam tâm bỏ phí mất cả thì giờ báu ngọc, không chịu học tập tu-trì, để tương-lai hiệp-lực cùng nhau mà làm các sự nghiệp của Phật-lễ di-truyền lại. Chỉ khu khu mỗi người giữ một ngôi chùa để chiếm lấy cái địa-vị an nhàn, tự đắc là một ông chủ, bo-bo giữ lấy dăm bầy mẫu ruộng, một vài sào vườn, quanh năm lấy lợi lộc ấy mà chơ cộp cho cái uế-thần. Vị nào biết tin nhân quả thì còn sửa sang được chùa chiền, nhưng việc sửa sang này chỉ là một việc tu phúc thói, nếu không học tập tu luyện cho có trí tuệ, mà cứ thiên về một mặt làm phúc, cũng chưa khỏi người xưa chê rằng : « tham gánh gai mà

bỏ vàng». Còn những số người rộng-dỡ phóng túng kia, họ chỉ nhận hai câu này làm đầu đề cho cả kiếp tu của họ: «Đời người ở thế mảy gang tay, chẳng ăn cũng thiệt chẳng chơi cũng hoài.» Có người vì thế mà sinh ra làm nhiều điều cực kỳ tệ ác. Những hạng ấy chẳng những là họ phá một kiếp tu của họ mà thôi, họ lại làm cho Phật-pháp tăng-gia vì họ mà suy đồi đi nữa. Cứ theo như Phật nói trong luật, thời Phật bảo hạng người ấy là bọn tặc-trụ tỉ-khiêu 賊住比丘. Nghĩa là quán giặc khoác áo thầy tu, để phá hại cơ-nghiệp Phật-tô.

Thử hỏi những bậc có tâm khuôn phù Phật-giáo ngày nay, mà trông thấy quán giặc ấy, có đáng buồn không? Cứ như ngu ý tôi, ai là người chán chính theo về đạo Phật, đều nên một mặt thì rung chuông cảnh-tỉnh ở những nơi công chúng mà tuyên-bố cái ác-hạnh của họ, một mặt thì khuyến dỗ cho họ biết cải-tà quy-chính, lại chỉnh-túc giới luật mà ràng buộc cho họ phải theo, như thế mới là biết ân Phật-tô, báo ân Phật-tô vậy.

Tôi nói đây là vì trong bụng tôi nhiều mối cảm khái về Phật pháp đương buổi suy đồi, chắc cũng có nhiều người chê là vạch áo cho người xem lưng, nhưng tôi cứ nhằm cái phương-trám phải theo mà tôi nói tôi làm, còn việc khen chê chỉ coi như đám mây nổi trên thái-không mà thôi. Nhưng ai đã nhận rõ cái nghĩa vì sao mà Phật-giáo phải chấn-hưng tất cũng biểu đồng tình với tôi là phải, vì trong Kinh có câu nói: «Nghĩa vụ nhà tu phải cần hiền chính, phá tà, tìm thực xét đối v.v.»

Trên kia tôi đã nói buồn cho những vị thanh niên trụ trì, không phải là tôi dám đề-xướng lên cái thuyết bài-trừ những vị thiếu niên trụ-trì đâu. Kể tôi nay mới ngoài 30 tuổi mà đã từng ở qua 2 ngôi chùa trong mười năm giới rồi, cũng từng chán lắm tay bùn. thức khuya dậy sớm, việc gì cũng phải làm cả. Nhưng tôi

ơi nhớ nhời Tồ sư xưa dạy : « làm là tu phúc, học là tu tuệ, » lăm lăm lấy hai câu ấy mà bó buộc mình, mà cũng nhiều khi « lực-bất-tòng-tâm, » sinh ra lưới biếng trễ nải trong khi tới ở chùa riêng, đã có bài tự thân là rõ cái cảnh ở chùa, xin trích ra một đoạn để công hiến các bạn thanh niên ở chùa cùng ngẫm nghĩ :

Nền phú quý sao ta chứa nân,

Kiếp phù - sinh thắm thoát mấy hơi.

Cạn chí bận bịu việc đời,

Bo-bo thiết thiết cảnh người khổ ta.

Muốn hợp mắt bỏ qua chướng đoái,

Ngại rằng mình lỗi đạo sư-tư,

Tâm sự này Phật biết chẳng ư ?

Người cầu chẳng được, người từ chẳng cho.

Thôi bỏ hết phiền lo khỏi khổ.

Phận tu hành tùy ngộ nhi - an.

Lợi danh giấc mộng đã tàn,

Kính vàng đèn tuệ nhà lan vui thương.

Nay tôi hồi tưởng đến những câu ấy, và lại thấy các bạn thanh niên ở chùa riêng, bỏ mất cả bản nghiệp tu hành thì lại càng đau đớn thay !

Tôi lại thường thấy các bạn hỏi thăm nhau rằng : Nay Sư-ông trụ trì chùa nào ? Có lẽ trong tăng giới tu ngày nay cho hai chữ trụ-trì là ở chùa chẳng ? nếu thực thế thì chẳng hóa ra tầm lăm ru !. Cứ lấy ý nghĩa trong sách mà xuy thời những vị trụ-trì phải đảm nhiệm cái gánh đạo pháp rất là nặng nề, không phải là người có đạo lực mạnh mẽ, thì lấy gì mà đảm đương cho nổi ? Trụ, là trụ như lai gia 住如求家, trì là trì pháp vương tạng 持法王藏. Nghĩa là ở nhà Phật-Như-lai, giữ kho pháp báu của đức Pháp-vương. Thử hỏi : nhà Phật có phải là mấy nếp chùa bằng gạch ngói kia không ?

kho pháp báu có phải là kho kim ngân tài vật kia không ? chẳng qua nó chỉ là tướng giả. mượn đó để giúp cho sự truyền giáo đó thôi. Nếu người biết đường lối tu hành thì nhờ đấy mà tu lấy mình ; nếu người không biết thì nó lại là cái bẫy vô minh, dần dần tiếm nhiễm vào trí não của ta, làm cho ta phải mê muội ngóng cuồng tranh dành thù oán ; nó lại là cái cạm bẫy để lừa dốt ta vào con đường khổ báo sau này. Thử hỏi những bậc trí thức có đáng say đắm nó không ? Nếu ai còn say đắm nó thì tôi không dám nói nữa. Chữ chĩnh ra nhà Phật là nhà từ bi hỉ xả kho pháp là kho pháp bảo viên thông, bao quát cả ba nghìn cõi đại-thiên thế-giới, che rợp khắp mười cõi, chỗ chứa cả muôn loài. Cái nhà ấy lấy giới-dịnh làm nền móng, lấy luật pháp làm quy củ thăng-mặc, lấy phép từ-thánh-để làm giường cột lấy mười hai nhân duyên làm dui mè, lấy phép lục-độ làm gạch ngói, lấy ba mươi bảy phép trợ-đạo làm sơn phấn cho thêm vẻ huy-hoàng tráng-lệ, lấy tri-tuệ làm cửa ra vào. Mà ai muốn vào nhà này, trước phải phá tan năm uẩn, rửa sạch sáu căn, xa lìa mười ác, chăm làm mười thiện, tá-ngụy không nên dung túng,, phiền não phải nên dứt hẳn. Được như thế mới đáng xưng là người học đạo.

Cứ xem lịch-sử của các vị Tồ sư đời xưa, ngài nào lúc thiếu niên cũng phải học hành tham vấn tới khi được thành tài đạt đức, ngộ đạo rồi mới đi trụ-tri riêng, để tu dưỡng thánh-thai và truyền đạo chính giác cho người đời nữa, như thế mới phải là bậc trụ-tri.

Các bậc tiên-giác thường có câu nói : « Học đạo mà ngộ được đạo là khó ; đã ngộ rồi mà giữ gìn được lại càng khó hơn ; đã giữ gìn được rồi đem ra thực hành lại càng khó nữa. »

Ngay như trên hội Linh-sơn ngày trước Phật nói kinh Pháp-hoa mà thụ-ký cho các đệ tử, tức là Ngài đem cái gia nghiệp pháp tạng mà phó thác cho các vị

Bồ-tát Thanh-văn bảy giờ, đề duy-tri lấy đạo và truyền bá cho tương lai. Trong Pháp hội bảy giờ còn có 5000 người tự biết mình không thể đảm đương được, đều phải lễ Phật bỏ tòa mà lui, Phật cũng hoan-hỷ cho lui, và bảo với Pháp-hội rằng ; những kẻ bỏ lui kia thì dụ cũng như cái cây nhỏ thì cành lá cũng nhỏ, không thể này nở được quả Đại-bồ đề. Ôi ! lũ ấy tự bỏ lui cũng là hay lắm.

Nhưng chúng ta chờ thấy những bậc ấy được chính thân học ở Phật, còn phải bỏ lui, mà ta thoái chí, nếu mà thoái chí cả thì biết lấy ai mà xiển-dương được Phật-giáo bảy giờ, nếu không xiển dương được Phật giáo thì sao cho khỏi hổ thẹn với nghĩa vụ xuất gia.

Phật xưa là một bậc đạo lớn đức rộng, chỉ lấy cái chỗ giác ngộ của Ngài mà truyền giáo cho chúng đệ tử, chứ Ngài có phải nhờ vào kinh sách nào đâu, nên tới khi Ngài nói pháp đại-thừa cao-huyền bí mật, bọn kia nghe pháp không có tuệ căn linh ngộ thì sao cho khỏi bỏ tòa mà lui được. Chứ ta nay đã sẵn có kinh điển, chép những phép mình tu và dạy cho người tu, nếu ta cứ tìm tâm khảo cứu mãi mãi, cũng có ngày đến được cùng tột nguồn gốc của đạo thì có lo chi chẳng xứng đáng vào cái địa vị duy-tri đạo đức, tuyên dương giáo-hóa.

Thầy Mạnh-tử xưa có nói : Kẻ sĩ hào-kiệt không cần phải đời có vua Văn, cũng có thể chấn hưng được chính-giáo của đấng tiên-vương. Tôi xin nói theo rằng : Những nhà có đạo lực ở đời nay, không phải chờ Phật Tổ tái thế, cũng có thể chấn hưng được đạo pháp của Phật-tổ.

Kết luận tôi xin có mấy lời truug cáo cùn, các ban thanh niên, xin các bạn nhận rõ cho rằng : những nơi chùa chiền kia, bất luận to hay nhỏ, đều chỉ là cái chỗ cho ta trú chân, để nghiên cứu phương pháp vượt đải phàm lên cõi thiên và đề tuyên dương Phật-giáo cho các tín đồ đó thôi các bạn hiện nay đương ở cảnh ấy, phải

nên một mặt thì học tập tu trì, một mặt thì tuyên truyền giáo lý để bồi bổ lấy nhân tâm thế đạo. Nếu làm được như thế, tự nhiên trên dưới mến yêu xa gần kính phục, chẳng cầu lợi lộc mà lợi lộc tự nhiên đưa đến hằng hà sa số. Ấu không như thế thì chỉ suốt đời lao khổ với cái cảnh vật chất kia, mà trong danh giao, với giới-thân tuệ định của mình vẫn không có bỏ ich chi cả sao cho xứng đáng với cái danh nghĩa Phật-tử được ru! Tục ngữ thường có câu nói: « Chùa mình chẳng tu, tu chùa người.» Xin các bạn mau hồi tâm lại, kéo sau này hối hận cũng không kịp nữa.

Sa-môn TỖ-LIÊN

## HƯƠNG - HẢI THIÊN - SƯ

( Tiếp theo số 41 )

Trên ấy là Thiên-sư thuật những lời cách-nghôn của Các tổ xưa, còn tự đây trở xuống là Thiên-sư đem những chỗ đã chứng được thuyết ra làm những lời kê dạy học. Đọc những lời kê sau này ta thấy Hương-hải thiên-sư đã chứng tới chốn cao diệu thâm-trầm của phái Thiên - tông nhiều lắm.

1. Điều gì cũng vô-lâm, là giới của tự tình.  
Không điều gì trở ngại, là tuệ của tự lòng.  
Thần kim-cương có sẵn, là bất-lận, bất diệt.  
Tam-muội vốn tự có, là di-vê thong-dong.
2. — Trong lòng tự chứng được tam-muội,  
Chẳng lo lục trần làm chướng ngại,  
Như con chim bay qua trên không,



Hà vì ơi đề đầu vớt lại,  
Việc làm đều bởi lòng vô tâm,  
Mời gọi được là **• quán tự - tại •**,

3. - Tà-tà giảng lặn đầu non,  
Lạc đàn còn vọng về von kêu sầu  
Trước đèn tàn, thủa đêm lâu,  
Khách thơ ngậm-ngợi vắng đầu bên đời  
Lúc này ai thâu khúc-nhối,  
Có ông sư cụ đứng ngồi trong mây,
4. - Tĩnh còn dễ. Tĩnh thời mới khó,  
Tĩnh được tâm đây đó an nhàn,  
Sao mờ giãn lặn, đêm tan.  
Áng bạc -vân vẫn phủ lên thanh sơn.
5. - Kẻ ngu quên Tâm chỉ giữ Cảnh,  
Người trí bỏ Cảnh để trị Tâm,  
Đào hay Tâm, Cảnh vốn một thể,  
Tùy duyên chốn định sẽ không lăm.
6. - Con thuyền bơi vượt doanh khơi,  
Dịp trèo tiếng lái tựa với cầm-cờ,  
Nước, mây, trời, núi lướt qua.  
Còn chẵn giấc điệp trong nhà Trang-sinh.
7. - Nhà nam trước án ngồi chêm-chệ,  
Suốt ngày chẵn hễ nghĩ ngợi gì.  
Nào phải cố giữ lòng cho tĩnh,  
Chỉ vì chẵn vướng việc chi-chi,
8. - Trác gầy thóng cõi hương ngio-ngợi,  
Gió lướt giảng cái buổi lạnh-lung,  
Chùa nó ai khua chuông đó tá,  
Chiều chiều vang động cõi hư-không.

9. -- Đường treo gùi gộc, lối luồn-quần.  
 Hành nhân qua đó đều lặn-dần.  
 Cánh cò, dùm tuyết trắng chia đôi,  
 Ánh nguyệt hoa lan sắc không lẫn,  
 Đã Mầu thì lại càng Mầu <sup>âm</sup>,  
 Đã Liễu cái gì cũng Liễu hẳn,  
 Nay một bài ca đạo nhiệm-mầu,  
 Ta đọc anh nghe thừa giảng lặn.
10. -- Mưa gột thắm phai đào trẻ nõn,  
 Gió rung biếc rụng liễu tơ mảnh,  
 Đá hòn lở-nhỏ trên mây trắng.  
 Cây cỏ bá-sòa dưới nước xanh,
11. -- Cất chân nhày ra ngoài bốn bề,  
 Giơ tay thoi dờ núi Tu-di,  
 Chẳng ngồi tòa Phật mần ri,  
 Véo von liếng sáo trước khe chơi bời.
12. -- Trát sạch trần duyên về cõi chính,  
 Bao nhiêu phạm thánh vốn cùng chung,  
 Khi mê cuống-quil ngồi xa lửa,  
 Lúc tỉnh khoan-thai hạc sỏ lông,  
 Giảng trong in khắp muôn giống nước,  
 Thông cõi tha-hồ bốn gió rung,  
 Xưa mơ nay thức là như thế,  
 Đạo cả sáu xa lòng hiểu lòng,
13. -- Phiền-não dứt rồi thêm bệnh khác,  
 Chân-như ai thoát khỏi bao giờ,  
 Chỉ lụy-duyên là không trở-nại,  
 Nát-bản thời cũng chuyện lơ-mơ,

斷除煩惱重增病

(Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh,

超起真如總是邪

Sieu khởi chân-như tổng thị tà,

隨順眾緣無阻礙

Tùy thuận chúng-duyên vô trở ngại,

涅槃生死是空花

Niết-bàn sinh-tử thị không-hoa).

Đem bốn câu kệ của Hương hải Thiền-sư này so với bài kệ «thị chúng» của Trần-Thái-tông trong sách Khóa-hư thì thấy phái Thiền - tông nước ta từ Trần đến Lê vẫn còn giữ được một tinh-thần là cái tinh-thần nhân-sinh thực tế. Rồi từ đó về sau mới mất dần đi. Trần-Thái-tông nói:

生老病死

Sinh lão bệnh tử.

理之常然

Lý chi thường-nhiên,

欲求解脫

Dục cầu giải thoát

解縛添纏

Giải phược thêm chiền,

- Sinh lão bệnh tử,

Là lẽ thường nhiên,

Muốn cầu giải thoát,

Nó càng buộc thêm.

Thật thế, phàm nó đã là cái lẽ thường tự-nhiên thì không thể nào dứt dứt nó đi cho hết cả được. Nếu cầu đạo không cầu ở nơi gốc, mà chỉ lấy ý

riêng cố làm cho giải thoát nó đi, thì như người bị trôi cời được bên này, nó lại trôi trật bên, kia lại càng thêm lung-tùng. Ý ấy tức cũng là cái nghĩa: «Phiền não dứt rồi thêm bệnh khác, chân như ai thoát khỏi bao giờ» của Hương-hải Thiền-sư trên ấy. Thiền-sư thực là giữ được chân truyền của phái Chúc-lâm. Đạo Phật sở dĩ có ích cho đời người, là ở chỗ đó. song Trần-Thái tông chỉ nói cái nghĩa khó mà thôi, chứ không kết-luận rằng: thế thì phải nên như thế nào. Đây Hương-hải Thiền-sư thì kết luận rằng: «Chỉ tùy duyên là không trở ngại», nghĩa là cứ tùy thuận mọi duyên mà làm là không có cái gì trở ngại, ấy là đạo đó, là Phật đó. Nếu không lo cứu-dộ chúng-sinh ở cái bề khổ hiện-tại, mà chỉ mong cho mình chóng tới cõi nát-bán thì thực là lầm, vì nát-bán có phải là sự hiển hiện có thực đâu. Như thế là Thiền-sư khuyên người sơ học ta nên tránh chỗ tư tưởng lòng bông mà tìm nơi nghĩa - lý chân - thực, Thiền-sư thực có công với đạo Phật chính ở câu đó.

14 - Cảnh duyên vốn không có xấu tốt,

Xấu tốt là bởi ở lòng mình,

Mình không gọi ép nó xấu tốt,

Thì đâu còn có những vọng-linh,

15 - Tìm chân, chân không có tướng,

Xét vọng, vọng không có hình.

Phải xét lại tâm thì mới thấy,

Nương tâm cũng là một giả-danh,

16 - Thiện này đã bởi Tâm sinh,

Ác kia há ngoại Tâm mình mà ra,

Nhưng Tâm nào có chi mờ,  
Thì Thiện với Ác chỉ là nhân-duyên,  
Biết đâu Thiện Ác liền-nhiên.  
Giữ một bên bỏ một bên bấy giờ,  
Thương cho lắm kẻ mập-mờ,  
Thường đi dúi ngả vắn-vơ khôn tâm,  
Nếu biết tìm chỗ vô-tâm,  
Thì mới hiểu được cái làm khi xưa.  
37 -- Sắc-tướng tất, nhữn quang cũng tất,  
Thanh-trần tan, nhi-thức liền tan,  
Gốc kia còn mãi bao tàn,  
Hôm qua qua khỏi, lại song hôm này.

(còn nữa)

# KINH BẠCH DỤ

BÀI DIỄN THUYẾT CỦA ÔNG ÔN-NHU NGUYỄN  
VĂN-NGỌC ĐỌC TẠI CHÙA QUÁN-SỨ  
(Tiếp theo)

*Thưa các ngài.*

Chúng tôi xin lấy nhờ kết-luận của câu dụ sau cùng này mà gặp quyền Bạch-dụ lại.

Nhưng trước khi đóng bài, chúng tôi hãy xin cùng các Ngài ta xét qua về cái thể tài, cái giá-trị và sự công-dụng của các câu dụ trong kinh nhà Phật xem sao.

Cứ như các ngài đã nghe những câu thí-dụ, thường là đôn-động ra, phần nhiều thuộc về cái lối phi-dụ, cái

phép phương-liên quyền-thuyết (1). Nhưng sự tưởng tượng đây không phải là thần-bí, huyền-diệu, vu-vơ, xa-lạ gì. Nó tất cũng đã có chỗ căn-cứ ít nhiều. Vào Sự thực thực có, hay có thể có được; nó rất cận nhân-tính, ở ngay trong nhân-gian. Thấy bóng vàng, ngỡ là vàng thật; chính là người, lại nhận là ma; thấy vua nháy mắt, cũng bắt chước nháy mắt; giả tiếng uyên-ương dễ đi ăn trộm thoa cho vợ; tranh gi nước bọt làm cho ông chủ sứt cả hàm, ... là những chuyện tình-cờ có thể xảy ra ở đời được cả và có thể khiến cho người đời dễ dễ tai nghe, nghe mà lấy làm thích.

Bởi vậy, nếu xét kỹ ra, thì những câu thí dụ thật là biểu-lộ được tâm-tính, tư-tưởng của con người, mô tả được cách hành-động, sự an-bại của việc đời. Bởi vậy mà ta có thể khái-niệm được rằng những câu thí dụ thật có liên-lạc xa gần với văn-chương của nhiều nước trên thế-giới.

Đối với văn-chương ta, chỉ xem riêng những câu tục-ngữ phong-dao thì ta nhận thấy rằng có lắm câu thực đáng đem làm đầu-đề hay kết-luận cho các câu thí dụ. Như câu. — Bọn ăn trộm trâu — mà đề-dầu là « Nói đời hay cũng » nghe được, thì câu dụ — Con khỉ với vốc đậu. — thực-kết là « Tham một miếng, bỏ một mâm » nghe lại càng đúng lắm. — Bốn chữ : « Xói hồng, bồng không » có thể đem làm kết-luận cho câu dụ — Hai người giồng mía thì — mà nhận được, thì mấy chữ : « Một tiền gà là ba tiền thóc » chẳng làm đầu-đề cho câu dụ — Người đi đòi nửa tiền mà tâu mất bố tiền — được sao ? — Ấy là chúng tôi không nhắc hoặc có câu tục-ngữ như câu « Xăm sờ voi » hay « Thầy bói coi voi » chính là do ở một câu

---

(1) Về tư-uyết-pháp kể có những phép : trường thuyết, đoản thuyết, hoành thuyết, thụ thuyết, thâm thuyết, thiêu thuyết, mật thuyết, hiện thuyết, thực thuyết và quyền-thuyết.

dụ của nhà Phật mà ra. Lại còn những câu chuyện khôi-hài mới nghe tưởng chừng như xuống-xã, thuộc về cái thể Tiểu-lâm như câu : « Hai vợ chồng với chiếc bánh » « Người đi mua muôm quả nào cũng ném »...và biết bao nhiêu câu chuyện cổ-tích kể cho trẻ nghe, mà trong có những ông trưởng-giả khờ-dại, những ông Bụt hiện lên hỏi : « Lâm sao con khóc ? » cũng đều là những câu du trích ở trong các kinh ra hầu-hết.

Đối với văn-chương Tàu, thì nước Chấn-đán vốn là một nước sớm có văn-hóa không kém gì nước Tây-Trúc, nên cái thể thí-dụ có cũng đã lâu và cũng thấy lắm, mà đây, cái thể ấy còn đổi một tên khác là « Ngụ - ngôn ». Ta không nói cái thể Ngụ-ngôn thịnh-đạt về đời Xuân-thu, Chiến-quốc thế nào, ta cũng không nói đến các nhà lập-thuyết đư-thuyết, trừ-danh như Tô-Tần, Chương-nghi, Mặc-tử, Mạnh-tử,...thường dùng cái lối Ngụ-ngôn để chứng minh những lý-thuyết của mình về mặt chính-trị hay đạo đức : làm gì ta chỉ xét qua cái thể thí-dụ kia với cái thể ngụ-ngôn này đối-chiếu với nhau đại-đề ra làm sao. Nếu ta đem cân-nhắc, so-sánh ra, thì đôi bên đã hình như có chỗ tương tự như nhau, cùng diễn một ý tưởng, cùng chung một chủ nghĩa. -- Chỉ có khác rằng : bên Nho thì vụ thực-sự hơn, kết-luận cố xoay về luân-thường đạo-lý để điềm-hóa cho người, còn bên Phật thì hơi siêu-việt hơn và chỉ cốt đưa về một mục-đích là tuyên-truyền tôn-giáo để giác-ngộ chúng-sinh.

Câu chuyện « Khắc chu cầu kiếm » của Lã-thị Xuân-thu có khác gì câu « Thừa thuyền thất can » trong quyển Bách-dụ ? -- Câu dụ « Ti sá đồ quý » của kinh Bách-dụ có khác gì chuyện « Bàng đoạt tương tri » của Tô-lần ? « Anh đốt trâm làm than » của họ Thích có iuê làm cho ta phảng phất nhớ lại « Anh ôm cây đợi thỏ » của nhà Nho, thì « Nàng Tây thi nhẩn mặt » của Căn-Đán ấy tức là « Ông vua nháy mắt » của Tây-Trúc vậy.

Còn những câu thí-dụ, đối với các nước Âu Tây như

ta được biết bây giờ. toàn gọi một tên là « Ngụ-ngôn », thì chính người Âu-Ây, trước là người Hi-lạp. La-mã, nay là người các nước văn-minh rực-rỡ như người Pháp, Anh, Đức, Nga (1).. đều công nhận cái thể ngụ-ngôn ấy là do tự Đông-phương đưa, lại, mà Đông-phương đây, tức là ám-chỉ nước Ấn-độ sản xuất ra ông Thủy-tổ ngụ-ngôn, biệt hiệu gọi « Chân Voi » hay « Thầy-Lang » (2) và đức Thích-ca là người thuyết pháp hay dùng đến Thí-dụ.

Nhưng có một điều ta nên nhận, là cái thể thí-dụ truyền sang đây thay đổi khác hẳn, bao nhiêu ý-tưởng về tôn-giáo bóc lột sạch, chỉ còn chú-trọng về phương-diện văn-chương, mỹ-thuật và luân-lý mà thôi. Cái thể ấy biệt lập thành hẳn một lối thi ca, có người chuyên học, chuyên làm (3) và đã sản ra biết bao nhiêu « tấn hải kịch thiên binh vạn trạng, thiên biến vạn hóa » (4) ! Hưởng lấy các súc-sinh làm chủ nhân ông để dạy người, (5) và hoặc khi đã tả nên lúc hội-họa treo trên vách hay diễn nôm mảy lóp tuồng trên sân khấu hay trên màn chớp bóng.

..

Thể-tài thí-dụ thế, giá-trị của thí-dụ làm sao ?

Kể về mặt từ-chương, mỹ-thuật, thì những câu thí-dụ rất là giản-dị, bất-phác. Cái đó cố-nhiên. Chỉ có về những đời gần đây, người ta mới phụ-họa, vẽ-vời thêm vào cho văn-vẽ, hoa-mỹ, chớ về cái đời, tự lúc đức Phật tổ thuyết giáo, cổ đã mấy ngàn năm, thì cái ý là bản cố, cái nhời chẳng qua chỉ diễn đủ cái ý là được rồi. Thời bấy giờ

---

(1) Ít lâu nay, nước Nga dịch rất nhiều câu thí-dụ của nhà Phật.

(2) Bidpai hay Pilpay.

(3) Nhà Phật, nghe đâu xưa cũng có « Thí dụ sư ».

(4) và (5) Comédie à cent actes divers. — Je mé sers d'animaux pour instruire les homme (La Fontaine).



mới chỉ gọi là phác thí-dụ, nói thí-dụ, kể thí-dụ để dẫn vào câu kinh, câu kệ, chứ chưa có gì là bút pháp tài-tình viết thí-dụ, đọc thí-dụ, ngâm thí-dụ cho thành bài thơ, bài hát.

Còn về mặt luân-lý, triết-lý, cứ kể trừ ra năm bảy câu nói đến những chuyện đặc-biệt về các phong-tục của từ-tính, cùng những chuyện hoang-đường của các ngoại đạo ở nước Nhà Phật bấy giờ, như những chuyện « Con mắt thông thiên nhỡn, Bâu tay A-tu-la, » chuyện giết con để lấy máu cúng giới, bay đem hoan-hỷ hoàn đê dử dứa trẻ bé... thì hầu-hết các câu dụ, xa gần đều ám-hợp với nhân tâm thế đạo, phá-cập không riêng chi cho một nước Nhà Phật và các nước theo Đạo Phật, mà cho cả thế-gian, nhân-loại, không riêng chi cho một thời buổi nào văn-minh hay hủ bại mà cho cả muôn đời, muôn kiếp mãi mãi vậy. Nếu ta đem lược bỏ những ý riêng của ức Như-Lai về cái lẽ sinh tử luân-hồi, về cái thuyết vô-thường, vô-ngã, vô-thủ, vô-chung, về những quan-niệm sắc không, chân-như, nghiệp báo, Nát-bàn, thì ta cũng thấy thiện, thấy ác, thấy phúc, tội, thấy nhân, nghĩa, thấy hiếu, tin, thấy ngu-si, thấy thông tuệ, thấy bác-ái, bình-đẳng, thấy cứu khổ, cứu nạn, .. nghĩa là những chân-lý, những qui-lắc bất-di, bất-dịch đáng làm chủ cho cuộc sinh-hoạt đời đời ở trên thế-gian này. Vì vậy cho nên mỗi câu dụ là một bài học rất hay cho loài người, nhất là loài người khi còn ở về cái tuổi non măng, là cái tuổi trẻ thơ chưa biết gì. Về đời ông Y sách, người nước Hi-lạp muốn cho trẻ được học các bài ngôn của ông như được bú sữa mẹ, thì đối với bất cứ đời nào, ở những nước Phật-giáo tịnh-hành, người ta lại không đáng mong cho trẻ được biết, được đọc những câu thí-dụ xuất ở trong kinh nhà Phật ra sao ? Thí-dụ quả là những tài liệu rất quý, rất có giá trong v.ệc Nhi-đồng giáo dục vậy.

Nói đến sự công-dụng của thí-dụ, thì chúng tôi đem chính

ngay câu thí-dụ của một Nhà Nho lên trước :

« Có người báo vua nước Lương rằng : »

« Huệ-tử nói việc gì cũng hay thí-dụ. Nếu nhà Vua không cho thí-dụ, thì chắc không nói gì được nữa.

— Vua bảo : Ừ để rồi ta xem. »

Hôm sau, vua đến thăm Huệ-tử, bảo rằng :

« Xin tiên-sinh nói việc, thì cứ nói thẳng, đừng thí-dụ nữa ».

— Huệ-tử nói : Nay có một người ở đây, không biết nô là cái gì, mới hỏi hình-trạng cái nô thế nào. Nếu tôi đáp rằng : Hình-trạng cái nô như cái nô, thì người ấy có hiểu được không ?

— Vua nói : Hiểu làm sao được !

— Thế nếu tôi bảo người ấy hình-trạng cái nô giống như cái cung có cán, có lẫy, thì người ấy có biết được không !

— Vua nói : Biết được.

-- Huệ-tử bảo : Ôi ! khi nói với ai, là đem cái người ta đã biết làm thí-dụ với cái người ta chưa biết để khiến người ta biết. Nay nhà vua bảo tôi đừng thí-dụ, thì không được. »

Câu Huệ-tử nói thực là xác-đáng.

Đã hẳn rằng lối thí-dụ chỉ là lối văn phụ-họa, chứ không chân-chí nh như lối kinh Tu-đa-la (Sûtia), lối tụng kỳ-dạ (Geye), lối kệ già-đa (Gatha), nhưng cái công-dụng của nó kể cũng là to vậy.

Lại đành rằng thí-dụ chỉ là khách, giáo-lý mới là chủ, câu chuyện kể chỉ là phần hình-hài bên ngoài, chân-lý mới là cái lịch-hiến bên trong, tuy vậy những bức tâm-đắc, hiểu ngay vào giáo lý, không cần đến thí-dụ, là số ít, còn đối với chúng sinh căn độn đại đa số, cứ đem một chân lý chân chân ra mà dạy, tưởng như có phần khó lĩnh giải, không thấm-thía vào tâm-não cho lắm. Giáo-lý dạy nhờ

nào, ai chẳng bài phục, song nó vẫn còn như treo cao, như dề xa, khó với đến nơi được.

Cứ nói thẳng luôn *bản-thề* với *hiện-tướng* khác nhau thế nào, tướng chung như khó hiểu hơn là trước hãy đem sánh bản-thề với bề cả, hiện-tướng với lớp sóng ngoài bề cả. -- Muốn dạy *tam-thân* khác nhau làm sao cho dễ hiểu thì gì bằng trước hãy đem vi pháp thân với hình-thề mặt giếng, báo thân với ánh sáng mặt giếng, ứng thân với bóng sáng mặt giếng (1) khác nhau làm sao...

Trái lại, biết đâu có khi chỉ vì một vài câu dụ thắm sâu vào tâm can, mà có người không ngộ được đạo? chỉ nắm một cái khay điện mà người ta có thể đưa tin tức di khắp hoàn cầu, chỉ ném một giọt nước bề mà người ta có thể biết được cái vị của bao nhiêu nước ngoài bề cả, thì chỉ một câu dụ, một câu kệ cũng có thể khiến cho người ta có cái quan niệm đối với cả Pháp-hải được. (2)

Nền nghiêm trang, khắc-khẽ mà truyền-giáo là một cách, thì vui vầy, hoan hỉ mà truyền-giáo là một cách khác, mà cách sau, so với cách trước, tưởng như dễ được việc hơn. Viên thuốc dễ chữa bệnh, mà phải bao ngoài cho đẹp như viên kẹo, mới dễ khiến người nuốt, thì chân-lý, mà muốn cho dễ thâm nhập vào trí tuệ người ta, cũng phải lựa một con đường nào dễ đi cho chắc chắn chóng đến nơi.

Trang tử trước hiểu cái nhẽ ấy lắm, mới nói : « Ngụ ngôn thập, cửu », thì Phật tổ trước nữa, cũng hiểu cái

---

(1) Nhật nguyệt dụ tam thân (Bảo vương luận).

(2) Xưa có người chỉ trông thấy cái giàn nho lúc liú những quả có kẻ đến hái sạch cả, lại có người chỉ trông thấy cái ao hoa sen, nở rút đẹp mấy con ngựa đến tàn phá nát cả, hiểu được cái nhẽ vô thường mà đắc đạo. Lại còn có kẻ thứ ba, chỉ nghe thấy tiếng loảng xoảng ở tay một người đàn bà giặt áo, hiểu được cái âm thanh do nhân duyên hợp thành mà cũng đắc đạo.

nhẽ ấy lắm, mới phải dùng đến những câu thí dụ khi thuyết pháp. Nên đức Phật tổ quả là một nhà đại tâm lý, một nhà đại giáo dục, thực là xứng đáng với những cái hiệu người ta đã tôn Ngài lên làm bậc « Vô thượng sĩ » hay « Thiên nhân sư ».

### *Thư các Ngài*

Vì những nhẽ nói trên, như ý riêng chúng tôi, thì thí dụ tức là cái phần sinh hoạt trong kinh điển nhà Phật. Đã hay rằng đạo Phật mà bảo tồn vĩnh viễn được, là cốt ở giáo lý uyên thâm hòng quảng, nhưng các giáo lý, mà duy trì trường-cửu được, mà có cơ truyền bá rộng lan, ra mà được, phần nhiều là nhờ ở các câu thí-dụ tinh vi thiết thực. Bởi vậy, nên hôm nay, chúng tôi được hầu các Ngài nói đến quyển Bách dụ, chúng tôi còn dám mong có bạn được hầu chuyện các Ngài về nhiều câu dụ khác.

*Nam-mô-Phật*

Ôn-như NGUYỄN-VĂN-NGỌC

---

### LƯỢC SỬ VỀ PHẬT-HÓA NƯỚC SIAM

---

Siam là một nước thổ địa cũng tương tự như Việt-Nam ta, mà nhân số và dân trí thì lại kém, thế mà đối với cái phong trào Á-Âu giao-thiệp này. Siam nghiêm nhiên được là một nước tự-do độc-lập, chả khác gì Nhật-bổn ở đông-doanh, có lạ gì đâu; phạm đã lập thành quốc-gia không; cứ chi nhón nhỏ, cốt sao cho chính-giáo thông-đông, sa thư một mối, hai cái ấy nếu thiên một bên nào thì không được; như nước Siam này giáo thì theo Phật-hóa tiền-thừa, chính cũng không ngoài Phật-hóa, nhà chính-trị nhờ về cái đức hóa của giáo - môn, nhà giáo - dục nương vào cái oai quyền của chính-phủ, cái lược - sử về Phật-hóa của triều-đình Bangkok mới cải cách sau này

tức cũng là một cơ gây nên cái nền độc-lập của nước Siam đó.

### CẢI CÁCH VỀ TÔN-GIÁO

Nước Siam từ năm Phật lịch 2809. Vua Phách-bất-dịch-chu-lập-lạc đẹp. yên Diển-diện, dựng kinh đô ở thành Bangkok, ngót 200 năm nay, chính-trị pháp-luật và xã hội đều chịu ảnh-hưởng Phật-giáo cả. Người Tây đã phê-bình là một nước chính-trị thuộc về Phật-giáo Người Tàu cũng có câu thơ vịnh nước ấy rằng : « Thôi cổ lạnh như bụt, chú thiêng mạnh ở tăng » (柔佛風從古, 番僧咒獨靈. Vì hiến pháp nước họ định lấy Phật giáo làm quốc giáo, dùng Phật lịch làm quốc-lịch, từ đời ấy cho đến nay, cộng là 6 đời Vua đều có làm lễ thể phất cả. Còn như quốc-dân, suốt cả nước ai cũng phải một lần làm lễ thể phất. Vì quốc luật nhất định, dân định đúng 20 tuổi, không cứ sang hèn đều phải xuất-gia cả. Còn lệ hoàn-tục thì hoặc mấy năm, hoặc mấy tháng, hoặc mấy ngày không có nhất định, nhưng cái thời-kỳ cho người hoàn-tục, phần nhiều là sau khi tán hạ. Cái tiết tán hạ ấy là tiết kỷ niệm vinh dự của Ấn độ, vì khi hậu của Ấn độ là một xứ mưa nhiều nhất trong thế giới, mà hạ tiết mưa rất nhiều, ròng rã 3 tháng các tầng chỉ việc đóng cửa tham thuyền, không đi khất hóa được. Nước Siam cũng theo lối ấy, Sam-lịch mỗi năm, ngày 16 tháng 8, (tức ngày 15 hoặc 16 tháng 6 ta) làm lễ tán-hạ, suốt nước nghỉ việc, ai xuất gia, ai hoàn-tục đều lấy tiết ấy là hơn, đó là thông tục của nước Siam vậy. Lại xem cổ-chế, con cái nhà sang, khi lên 7 tuổi, thỉnh tăng về nhà làm lễ thể-phất (xuất gia), sau 3 ngày, thì hoàn tục ngay. Con cái nhà thường, thì đưa đến chùa làm lễ thể phất, theo hầu các tăng, thụ pháp tiểu thặng, lấy khất hóa làm sinh-nhai, sau 3 năm rồi thì hoàn tục. Còn người xuất-gia, tu suốt cả đời, thì chỉ lấy tịch diệt làm gốc, và chỉ chăm cúng cấp cầu nguyện mà thôi. Bởi thế người nước nhu-nhược, chỉ mê tín về sự tránh họa cầu phúc, ngoài ra chẳng biết chi là chân-lý của Phật đà.

Từ triều Bangkok đến nay, gia tâm cải cách, hóa ra Phật giáo nước Siam biệt làm hai phái, là cựu và tân, nay lược thuật những điều cốt yếu của phái Tân Phật giáo ra sau này :

### 1) QUYỀN QUY NHẤT THỐNG

Tăng đồ trong toàn quốc đặt ra 1 vị Tăng-cửu để thống-lĩnh, mà vị ấy phải là người trong Hoàng-phái và do quốc-vương có mệnh cử lên, dưới vị tăng-chủ có 4 vị tăng-chính cai trị hết thảy việc giáo của 2 bộ nam và bắc, thế thì vị tăng-chủ ấy, cũng như giáo-hoàng ở La-mã. Thân - vương Ba-chi-la-an nay đương ngự vào ngôi ấy, (vị Tăng-chủ này, trước đã sang học bên nước Anh, sau mới xuất-gia). Ngai trụ-trị ở chùa Phư-la-kê-ô, ngay ở kinh-thành. Mỗi khi vua Siam làm lễ đã g-quang, phải mình mặc cả-sa vàng, thân hành đến chùa ấy làm lễ, rồi tuyên bố rằng : « Chăm-xin ở dưới quyền thống hạt của pháp-chủ Ba-chi-la-an, thế làm ngoại hộ tín ngưỡng », thế thì biết nước Siam tin sùng Phật-pháp là nhường nào !

### 2.) HẠN TUỔI TĂNG ĐỒ

Quốc dân đứng 20 tuổi mới cho xuất-gia, quyền cho phép ở quan địa-phương, không để cho tự-do quá như trước, vì cựu-chế, phạm tăng đồ được trừ binh dịch, nay thì cái thời-kỳ xuất-gia và hoàn tục, phải có trình báo, khi cắt lính, ai hoàn tục rồi, thì phải ra lính. Đó là phòng cái tệ trốn lính vậy.

### 3.) DÙNG PHÁP LUẬT BÌNH ĐẲNG

Từ xưa dùng bộ luật của Ấn-độ làm gốc, hợp cả dân-luật và binh-luật làm một, cộng 18 điều.

Thuộc về dân sự 12 điều.

Thuộc về hình sự 6 điều.

Bỏ khuyết 11 điều nữa.

Nguyên bộ luật cổ ấy về luật bắt buộc nô lệ nghiêm

mặt làm đời vua Chửu-na-long-cung năm 2 to Phật lịch, (chính là năm Thành thái nguyên niên ta) hạ chiếu theo nghĩa « Bình đẳng » của Phật giáo, bỏ hết cả những luật nô lệ di, quốc dân hoan nghênh lắm, sau 19 năm nữa, tức là năm 2935 (năm Duy tân thứ 2) lại công bố bộ hình luật mới, cộng 340 điều, chia làm 2 phần, phần trên thuộc lỗi tài phán, phần dưới thuộc lỗi xử trọng phạm, có mấy điều nói về tội ô-nhục các tôn-giáo như :

Điều 172 : Nếu ai dám hủy hoại những vật kiến tạo ở nơi thờ Phật, hoặc thờ thần thuộc các giáo khác là tội ý khinh nhờn tôn giáo phải tù trong 3 năm, kiêm phạt tiền 1000 mặt.

Điều 173 : Nếu ai dám gây mối quấy rối các đám hội hè hay khánh hạ của Phật giáo hoặc các giáo khác, phải tội tù chẳng quá 1 năm, kiêm phạt tiền chẳng quá 200 mặt.

Đó biết là nước Siam ủng hộ Phật giáo đã là chu đáo lắm vậy.

### CHÙA CHIÊN NƯỚC SIAM

Chùa Phật và tượng Phật hầu khắp cả trong nước, mà thành B. K. lại chính là trung tâm, kể không xiết được, nay hãy lược kể qua 3 chốn danh lam : 1) Chùa Việt Pha là nơi kiến trúc vĩ lệ thứ nhất, và ở lịch sử lại nổi tiếng hơn cả mọi nơi, tượng pháp trang nghiêm, quy mô to tát, khách du quan vãng cảnh, trông như mình tới Lạc Lang, những khi vua Siam làm lễ tuyên thệ, đều đến chùa ấy. 2) Chùa Việt-mã-hạn là một nơi từng làm khố đồ của thập phương, các lãnh chúng thường diễn pháp tiều thừa ở đó, tăng chúng nhiều lắm 3) Chùa Ô-phủ-lý là một cảnh tối cổ, có nhiều tháp cổ nguy nga, tượng Phật nhiều lối, chia làm 2 thứ : 1 là tượng ngồi, 2 là tượng nằm, lối điêu khắc rất là ngoạn mục. Còn như chùa chiền trong nước,

hợp công và tư có tới 14616 người, lãng đồ có tới 17410 người, đó biết là lòng sùng Phật của người Siam là thành đức lắm vậy.

(Trích trong tạp tri Hải-triêu-âm).

NGUYỄN-THƯỢNG CẦN dịch thuật

# Thu Cô Mai

(PHẬT - HÓA TIÊU - THUYẾT, THỀ VIẾT THU)

VI.

CHỊ BĂNG-TÂM - SAIGON

## Thư Chị.

Thư số V của em trước, em đã hẹn với Chị rằng thư số VI này em xin giả lời câu Chị hỏi về cái quan-niệm chán đời của những người tu đạo Phật. Chị lại còn đánh cuộc với em rằng nếu em giải đáp cho xuôi được câu hỏi ấy thì Chị sẽ là tín-đồ của em, bằng giải đáp không xuôi thì Chị thả theo nhịp đờn violon mà nhảy còn hơn là làm cách chán đời suốt ngày sầu muộn ở nơi rừng rú mà không ích gì cho ai.

Ôi, câu hỏi đã khắt-khe khó đáp, mà câu cuộc lại càng thổng-khoái thú vị biết bao!

Ngẫm kỹ ý-tứ trong câu hỏi và câu cuộc thì biết rằng Chị cũng đang thiết-tha muốn tìm lấy một cái đạo, hay là một cái tư-tưởng gì xứng-đáng làm cội-gốc cho cái nhân-sinh-quan này mà hướng-dẫn loài người lên con đường chánh, và ý Chị cũng đã âm-nhận lấy đạo Phật thay vào chỗ nhu-cầu ấy rồi, chỉ còn vịn lại em cơ sao người tu Phật lại hay mang lấy cái quan-niệm chán đời ghét sống thì còn bưng-thủ gì mà làm nổi cái sự-nghiệp cứu đời như đã nói ở trong đạo Phật.



Chị Bằng Tâm ơi. Thừa Chị, đạo Phật sở dĩ suy-vị, sở dĩ không rạng tỏ ra ở thế-gian này đã lâu là chính ở chỗ đó, ở chỗ người ta lầm đem cái quan-niệm chân đời ấy để làm phần gốc cho đạo Phật đó.

Nếu phần gốc của Phật đạo mà một ở chỗ chân đời thì cái bổi của Chị, em không còn biết giải-đáp đi đường nào. Nhưng cũng may cho em, chính phần gốc của đạo Phật lại không phải ở chỗ chân đời đâu. Vậy thì em có thể giả lời Chị được. Giả lời đó cái lẽ chân-chính của đạo Phật chứ không phải là gò lý cãi liều như cách nguy-biến khác đâu, Chị ạ.

Trước khi giải đáp, em xin nói rằng vì nghĩa-vụ của sự học-vấn suy-tìm, vì cái nghĩa-vụ đối với Chị là Chị đã hỏi thì em phải nói, chứ không dám vì cái cuộc muốn cho Chị sẽ làm tin-đồ. Vậy xin lần lượt giải đáp Chị hay.

1. — Chị ngờ rằng đạo Phật như em đã nói thì thực là có đủ mọi cái tính cách về xã-hội về tông-giáo và về nhân-đạo hóa-bình đang cần phải có ở đời này, thế mà sao những tầng nì niên-thiếu ngày nay thì lại phần nhiều là những người mang cái quan-niệm chân đời như câu truyện Kiều : « Đã đem mình bỏ chỗ an mây, thì cái tuổi kia cũng đành cùng với cỏ cây mà mục nát ». Như vậy há chẳng trái với cái chủ-nghĩa cứu đời làm ru ?

Thưa Chị, đạo Phật chính là đạo cứu đời, cứu ngay ở đời hiện-thế này trước, nhưng sở dĩ người tu Phật hay có cái quan-niệm chân đời là bởi 3 nhân duyên này :

a) — Đạo Phật là một đạo cách-mệnh với đạo cũ Bà-la môn mà lập ra. Đạo Bà-la-môn, các thầy tu đều mang cái quan-niệm yếm-thế, đua nhau lánh đời xa tục, vào ẩn ở trong rừng sâu hang vắng, làm những cách khổ hạnh quá đáng, nhịn ăn nhịn mặc, lam-lũ lỏi-tàn, để cho chóng thoát cái thân nhơ-bẩn phiền-lụy mà về chốn yên vui. Đức Phật đã ngài nghiệm ra cách tu ấy là vạ kỹ, nghĩa là chỉ lo thoát lấy mình chẳng nghĩ cứu giúp cho ai. Và Ngài cho

cách tu khổ-hạnh như thế là diệt-thần mà vô ích cho đạo. Bởi vậy Ngài bỏ đạo Bà-la-môn mà lập ra đạo Phật, nghĩa lý đạo Phật chính đều do phản-trái lại với đạo Bà-la-môn mà sinh ra chủ nghĩa cứu-thế, là phản lại nghĩa yếm-thế lấy nghĩa bác-ái là phản lại nghĩa vị-kỳ, nghĩa bình đẳng là phản lại nghĩa giai cấp. Còn cách tu thì tùy duyên sinh hoạt để thực hành đạo mình, chứ không cố trấp và cũng không cứ phải khổ hạnh như xưa. Đã vào đời hằng lo cứu đời và không cần khổ hạnh cho lắm thì sao lại còn có cái quan niệm chán đời được.

Chỉ vì sau khi đức Phật tổlech đi, đạo Bà-la-môn lại thịnh mà cái quan niệm chán đời cùng cách tu khắc khổ của đạo ấy lại cùng lẫn lộn cả vào trong đạo Phật. Cho nên gọi là kinh sách Phật ngày nay cũng nhiều chỗ của Bà-la-môn ngoại đạo lẫn vào.

b) — Nghĩa cứu thế của đạo Phật không phải chỉ an ủy cho phần tâm-hồn người ta mà chính cũng cứu giúp cho cả phần thể xác người ta nữa vậy. Kẻ học đạo mà muốn thực-hành cái nghĩa cứu thế ấy ra cho đời, lẽ tất nhiên là kẻ ấy không những đủ tài đủ đức mà lại cần nhất là kẻ ấy không vướng vít gì về việc gia đình, danh lợi, thì mới có thì giờ mà lập nên công đức cứu thế được. Bởi thế đạo Phật có ân cần giảng dụ cho kẻ học đạo biết người ta ở trong thế gian chỉ có một cái tâm hồn là quý, là còn mãi mãi, còn ngoài ra từ cái thân ta cho đến mọi cái có sắc-tướng khác là đều giá hợp lại rồi sẽ tan đi hết cả. Thế là chủ ý muốn cho kẻ học đạo, hiểu biết cái gì đáng quý và cái gì không đáng quý, để mà lo làm việc cứu đời, lập nên công đức lớn, chứ không phải là bảo cho kẻ học đạo biết đời như thế là đáng chán, thì thôi cả mọi sự đi đầu.

c) — Đạo Phật là đạo từ-bi rộng-rãi, lấy sự phương-tiện độ người, chỉ mong cho người ta biết tình-ngộ biết sám-hối mà cải quá tự-tân. Cho nên chỗ của Phật không từ chối ai, người có lòng tốt vì đạo đi tu, Phật độ cho đã

đánh, mà người vốn gian ác, người vì hờn duyên tránh phật, người vì trắc trở công-danh, người vì cảnh-ngộ chẳng may, đến xin qui Phật đều giòng-nạp mà độ cho cả. Độ cho như thế là đề hóa cho họ. Hóa cho họ biết tình-ngộ mà hối-hận mọi điều tội ác, trút bỏ mọi sự phiền-não hờo-huyền về duyên-phận, về công-danh, về cảnh-ngộ mà hy-sinh cả cái đời mình cho đạo, để tu-học mà thực-hành việc cứu-đời, mà lập nên công-đức. Ấy cách phương-tiện độ người là thế, chứ không phải mở ra nơi quán trọ để tựa những kẻ chán đời đâu.

— Cứ ba nhân-duyên trên ấy thì đủ chứng rằng nghĩa gốc của đạo Phật là cứu đời, còn nghĩa chán đời ở ngoài lẫn vào, hoặc tự trong nhận lầm đi. Phương chi sự nghiệp cứu đời không phải là dễ, tất phải có đức lớn tài cao mới làm được. Muốn làm được phải tu học nhiều, tu học nhiều thì khó. Thế mà cách tu về nghĩa chán đời thì lại dễ, chán đời tất phải khổ-hạnh, chán đời với khổ-hạnh, dù kẻ dốt và lười đến đâu cũng làm thừa đi được. Cho nên người ta xô nhau về cái quan-niệm chán đời là cái quan-niệm sai lầm vậy.

2. — Chị nói đã chán đời thì còn có quan-hệ gì với đời mà mong sẽ làm những sự nghiệp cứu đời, hay là chỉ cứu-đời (1) ở một khoa cúng tráo độ cho lũ hồn ma, và vài câu niệm phóng-sinh cứu sống cho 5, 3 dô cây, một vài con cá con?

Thưa Chị, em vẫn nói đạo Phật là cốt cứu độ cho chúng sinh ở hiện-tại mà trong chúng-sinh thì loài người đang sống đây là quan-trọng hơn, nhưng nghĩa cứu thế vừa rộng lớn vừa khó làm. Muốn cho hết thảy mọi kẻ độn-căn trong quần-chúng được dễ cảm kích mà sinh lòng từ-bi, biết thương nhau cứu giúp lấy nhau, nên ngoài việc kinh sách giảng-điển ra. Chư Tổ trong đạo Phật đặt ra phép cúng

---

(1) Bài Thư cô Mai số 39 trước chỗ này sót mất 5 chữ « hay là chỉ cứu đời » vậy xin thêm vào mới đủ nghĩa.

tráo, phép phóng-sinh, cũng là mượn cái tướng, tức là bày ra cái kịch để làm giáo-hóa cho đời đó thôi. Chứ không phải chỉ cứu đời ở chỗ ấy.

3. — Chị nói em thuyết-pháp thế nào cho xuôi cái nghĩa đạo Phật nếu không phải là đạo chán đời, thì Chị sẽ là tin-dở chán-thành của em Bằng em giải đáp không xuôi thì Chị thả theo nhịp đàn violon mà nhảy, còn hơn là làm cách thương thân ghét sống, suốt ngày sầu muộn ở nơi rừng rú mà không ích gì cho ai.

Chị nói thế là ý Chị cho rằng nếu không có một đạo cứu đời chân-thực cho ta tin theo mà làm việc cho đạo ấy thì thả một cái tục chơi-bời thô-bỉ của chủ-nghĩa khoái-lạc đời nay nó còn vui sống hơn là cái quan-niệm chán đời chỉ thêm tự-khổ kia. Em biết ý Chị đó chẳng qua là một lời phẫn-khích thiết tưởng mà thôi, chứ Chị cũng chẳng có hứng gì với cái cách đú đởn theo nhịp đàn mà nhảy ấy.

Tuy thế nhưng theo ý em thì em lại thấy khác. Em thấy trong đạo Phật không phải là cực tuyệt hết mọi sự khoái lạc của chúng sinh đâu, đạo Phật chính là cứu độ cho chúng sinh thoát mọi sự khổ-não mà được hưởng mọi sự khoái lạc kia đấy.

Chỉ vì đạo Phật là đạo bao la, cai trị cả cõi đạo và cõi đời, cho nên sự khoái lạc của chúng-sinh cũng phân làm hai tính cách. Tính cách khoái lạc về cõi đạo là lấy những cái cảm thanh tịnh, cao khiết về linh thần làm sung sướng. Tính cách-khoái lạc của cõi đời là lấy những cái cảm đầy đủ, tốt đẹp về vật chất làm sung sướng. Đạo Phật đều nhận cho chúng-sinh được tùy quả báo mà hưởng lấy cái phúc của mình đã tu. Tức như những sự hưởng thụ ở cõi Cực lạc, ở cõi Trời và ở cõi người không giống nhau vậy. Lại nhất là ở cõi người ta này, sự khoái lạc không nhất định. Kể đời thì được no là khoái lạc, kể rách thì được lành là khoái lạc, kể bệnh tật thì được lành mạnh là khoái lạc, kể bị ức nhục thì được buông tha là khoái lạc, kể dốt nát mà

mọi được thông minh tỉnh ngộ là khoái lạc, đến như kẻ phú quý thì lại phải có ca nhạc, du hí mới lấy làm khoái lạc. Đạo Phật đều cầu cho họ được như nguyên cả, miễn là coi họ đã được hưởng sự khoái lạc theo ý mình cầu ấy thì đứng có vì đó mà làm ra tội lỗi khác thì thôi. Vậy nếu Chị mà tin rằng đạo Phật là chính thì Chị cứ theo, theo rồi mà Chị là đệ tử tại gia thì tùy sự khoái lạc sở thích của mình có thể hưởng thụ được mà không đến phạm tội lỗi gì thì Chị cứ làm, Phật nào có cấm. Nếu chơi mà không hại đến đạo đức thì có phân biệt gì cách du hí thế nào.

Ba đoạn giải đáp trên ấy, Chị có cho là xuôi nghĩa hay là không, xin Chị giả lời cho biết.

Bạn gái của Chị :

MAI

(Đ. N. T.)

## PHẬT-HỌC TỬ-ĐIỀN TẬP-YEU

### 佛學辭典輯要

*Bát chuyển thanh 八轉聲. — Tám thứ tiếng chuyển thanh về tiếng Phạm, gọi là 16-mạn-đa 蘇曼多 (Subanto). Có tám cách nói: 1. Thể thanh 體聲, tiếng bản thể, tiếng chủ (Nê-li-đề-thê 爾利提勢 Nirdesa). 2. Nghiệp thanh 業 - tiếng bởi nghiệp làm ra, tiếng khách (ô-ba-đê-xa-nê 鄔波提沙泥 Upadesana) 3. Cụ thanh 具 - tiếng về khí-cu đề làm (Kiết - diệt - li - ca - ra - nê 羯唎迦羅 Kaitrkarana) 4. Sở - vi - thanh 所爲 - tiếng về việc đã làm ra (Tam - bát - ra - đà - nê - kê 三跋羅陀爾鷄 Sampradana-ike). 5. Sở tông-thanh-tiếng bởi dầu ra (係衰波陀泥 Hê - biểu - ba - đà - nê Apadana), 6. Sở-thuộc-thanh 所屬 -, tiếng thuộc về vật nào làm chủ. Sa-nhĩ-bà-giả-nê 莎弭要者 - Svamiyaca-*

na-e. 1. Sơ-y thuận 所依 -, tiếng ve nơi vật sơ-y (Sam-nê-dà-na-ra-thê 那羅梯 Samrnidhanarthaē). 8. Hô-thanh 呼 -, tiếng đề gọi (A-mạn-dát-ra-nê 阿漫怛 - - Amantrana-e).

Bát súc 八觸 -, Tám sự cảm-súc trong mình khi ngồi thiền định sắp chứng được sơ-thiền : 1. Động-súc 動 -, ngồi thiền-định bỗng thấy mình rung động. 2. Dụng-súc 痒 -, Rồi thấy ngứa khắp mình. 3. Khinh-súc 輕 -, thấy mình nhẹ bỗng như mây muốn bay. 4. Trọng-súc 重 -, thấy mình nặng như đá không nhúc-nhích được. 5. Lãn-h-súc 冷 -, thấy mình lạnh như giá. 6. Noãn-súc 暖 -, thấy mình nóng như lửa. 7. Sát-súc 澀 -, thấy mình ráp như da cây. 8. Hoạt-súc 滑 -, thấy mình nhẵn như sữa.

Bát giác - 覺 -, Tám thứ cảm giác sinh ra điều ác tức là làm ác-niệm : 1. Dục-giác 欲 - lòng tham dục ; 2. Sân-giác 嗔 - lòng giận giữ ; 3. Não-giác 惱 -, lòng làm hại kẻ khác ; 4. Thân-lý-giác 親里 -, lòng thiết-tha nhớ làng ; 5. Quốc-độ-giác 國土 - chỉ biết có nước mình ; 6. Phát-tử-giác 不死 - tiếc giầu có nên chỉ lo chết ; 7. Tộc-tinh-giác 族姓 - chỉ tưởng cho dòng họ mình cao quý ; 8. Khinh-vũ-giác 輕侮 - cậy mình tài đức, khinh nhờn kẻ khác.

Bát biện - 辯, - Tám cách biện-thuyết của Như-lai  
Bất-tê-hát-biện 不嘶喝 -, cách biện thuyết không gào hét. Bất-mê-loan-biện 不迷亂 -, cách biện-thuyết không mê loạn. Bất-khủng-bổ-biện 不恐怖 - cách biện thuyết không sợ hãi. Bất-kiêu-mạn-biện 不橋慢 -, biện thuyết không kiêu-mạn. Nghĩa-cụ-túc-biện 義具足 -, cách biện thuyết ý-nghĩa đầy đủ. Vị-cụ-túc-biện 味 - - -, cách biện thuyết thú vị đầy đủ. Bất-chuyết-sáp-biện 不憚礙 -, cách biện-thuyết không vụng-vẽ. Ứng-thời-phân-biện 應時分 -, cách biện-thuyết hợp với thời khắc.

(còn nữa)